

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẬU GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 180/2019/DS-PT

Ngày: 05/12/2019

***V/v. “Tranh chấp đòi lại
tài sản quyền sử dụng đất”***

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Hoàng Khải

Các Thẩm phán: Ông Hồ Văn Luông

Ông Nguyễn Đình Tiến

- Thư ký phiên tòa: Ông Châu Thanh Quyền – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang: Ông Trần Vũ Tính - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 28 tháng 11 và ngày 05 tháng 12 năm 2019, tại phòng xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 115/2019/TLPT- DS ngày 08 tháng 8 năm 2019 về việc “Tranh chấp đòi lại tài sản quyền sử dụng đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 82/2015/DSST ngày 29 tháng 5 năm 2015 của Tòa án nhân dân huyện LM (nay là thị xã LM), tỉnh Hậu Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 249/2019/QĐ-PT ngày 11 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1 Ông Trương Như Kh (chết)

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Kh: Bà Nguyễn Thị T1, ông Trương Như A, ông Trương T A; Cùng địa chỉ số 162/6, đường Trần Ngọc Quế, phường Xuân Khánh, quận NK, thành phố Cần Thơ.

1.2 Bà Nguyễn Thị T1; Địa chỉ số 162/6, đường Trần Ngọc Quế, phường Xuân Khánh, quận NK, thành phố Cần Thơ.

1.3 Ông Trương Như A; Địa chỉ số 162/6, đường Trần Ngọc Quế, phường Xuân Khánh, quận NK, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Như A: Bà Nguyễn Thị T1; Địa chỉ số 162/6, đường Trần Ngọc Quế, phường Xuân Khánh, quận NK, thành phố Cần Thơ.

1.4 Ông Trương T A; Địa chỉ số 162/6, đường Trần Ngọc Quế, phường Xuân Khánh, quận NK, thành phố Cần Thơ.

2. Bị đơn:

2.1 Ông Võ Hồng T2 (tên gọi khác: Quân); Địa chỉ ấp 1, Long Trị, thị xã LM, tỉnh Hậu Giang

2.2. Bà Nguyễn Thị T3; Địa chỉ ấp 1, Long Trị, thị xã LM, tỉnh Hậu Giang

3. Người kháng cáo: Ông Võ Hồng T2 và bà Nguyễn Thị T3

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Nguyên đơn trình bày: Nguồn gốc phần đất tranh chấp có một phần của bà Nguyễn Thị T4 là cô ruột của bà T1 để lại và một phần do hộ bà T1 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đối với phần đất do bà T4 để lại có tổng diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000267 ngày 19/01/1995 cấp cho bà Nguyễn Thị T4 là 7.346m². Do bà T4 không có con nên trước khi chết bà T4 có viết di chúc để lại cho bà T1 phần đất này vào đầu năm 2007, đến ngày 25/12/2008 bà T1 đã làm thủ tục chính lý biến động sang tên của bà. Ngoài ra, phần đất được cấp cho hộ bà T1 có diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00697 ngày 12/11/2003 là 2.650m². Do bà T1 cùng gia đình sinh sống và làm việc tại Cần Thơ nên không thường xuyên ở trên phần đất này, nên vợ chồng bà Nguyễn Thị T3 lén lút cất nhà và trồng cây trên đất, khi bà T1 phát hiện được có báo với chính quyền địa phương lập biên bản nhưng bà T3 và ông T2 có hành vi chống đối không hợp tác, chính quyền có mời các bên đến hòa giải nhưng bà T3 và ông T2 cố tình không đến. Vì vậy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng ông T2 và bà T3 tháo dỡ nhà cửa, di dời cây cối trả lại đất cho nguyên đơn.

Bị đơn bà Nguyễn Thị T3 trình bày: Bà cũng thống nhất về nguồn gốc đất như nguyên đơn trình bày. Do bà T4 không có chồng, không có con nên mới xin mẹ bà T3 là bà Nguyễn Thị T5 về nuôi, bà T5 là con ruột của ông Nguyễn Văn Nhiều, ông Nhiều là anh trai thứ hai của bà T4 và cũng là cha của bà T1. Bà T4 nuôi bà T5 đến lớn khôn, dựng vợ gả chồng sinh con nhưng sau đó bà T5 chết sớm nên bà T3 sống với bà T4 từ nhỏ đến lớn khi có chồng bà T3 vẫn sống chung với bà T4, do giữa bà T3 và cậu ruột là ông Nguyễn Đắc Thắng phát sinh mâu thuẫn nên bà T3 không T4 tiếp tục sống chung với bà T4 mà ra ở riêng gần đó trên đất trường học, tuy nhiên bà T3 vẫn tới lui chăm sóc bà T4 trong lúc bà

già yếu. Đến năm 2000 cha bà T3 thấy bà T4 già yếu quá nên mới đưa bà T4 về thị trấn Cây Dương sống với cha bà T3 để cha bà T3 phụng dưỡng bà. Lúc đi, bà T4 kêu vợ chồng bà T3 về ở trên phần đất của bà T3 và mấy anh chị em bà T3 lo mai táng và hiện tại đang thờ cúng lo hương quả cho bà T4.

Vợ chồng bà T3 đã sống trên phần đất của bà T4 khoảng trên 14 năm, trên đất bà T3 có trồng một số cây ăn trái như cam quýt và một số cây khác. Vợ chồng bà đã ở ổn định từ đó đến nay không ai ngăn cản và cũng không ai nói gì. Vào đầu năm 2014 do nhà đã cũ hư hỏng không ở được nên bà T3 có sửa chữa lại nhà kiên cố, lúc này bà T1 mới ngăn cản yêu cầu bà T3 ngừng xây dựng nhà và trả lại đất cho bà T1. Bà T3 không đồng ý nên tranh chấp cho đến nay. Phần bà T3 đang sử dụng bao gồm hai phần một phần của bà T1 đứng tên giấy chứng nhận, còn một phần còn lại của bà T4 đứng tên. Khi bà T4 chết không để lại giấy tờ hay di chúc gì phần đất này cho ai, bà T3 chỉ trồng cây ăn trái để hưởng hoa lợi thôi.

Nay bà T1 khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà T3 trả lại phần đất của bà T1 đứng tên và phần đất bà T4 đứng tên thì bà T3 sẽ đồng ý, nhưng bà T1 phải đền bù thỏa đáng lại công sức vợ chồng bà T3 đã bỏ ra trong 14 năm qua để cải tạo đất đai, trồng cây ăn trái là 700.000.000 đồng.

Bị đơn ông Võ Hồng T2 trình bày: Thống nhất với lời trình bày của vợ là bà Võ Thị T3.

Tại bản án sơ thẩm số: 82/2015/DS-ST ngày 29 tháng 5 năm 2015 của Tòa án nhân dân huyện LM, tỉnh Hậu Giang tuyên xử như sau:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị T1, Trương Như Kh, Trương Như A, Trương T A.

Buộc bà Nguyễn Thị T3 và ông Võ Hồng T2 trả lại phần đất cho các nguyên đơn Nguyễn Thị T1, Trương Như Kh, Trương Như A, Trương T A diện tích 8.922,8m² trong đó:

Thửa 26 diện tích 830m² có tứ cận như sau: Ngang giáp Nguyễn Thị T1 20.42m, ngang giáp thửa 27 là 19.87m; dài giáp thửa 27 là 41.48m; dài giáp Nguyễn Hữu Khâm 41,81m.

Thửa 27 diện tích 4080.8m² có tứ cận như sau: Ngang giáp Nguyễn Thị T1 27.13m, ngang giáp lè 20.2m; ngang giáp Lý Văn Hối 24.30m, dài giáp thửa 28 là 204.64m, dài giáp Lý Văn Hối 137,5m, dài giáp thửa 26 là 41.48m, dài giáp Nguyễn Hữu Khâm 25,1m.

Thửa 28 diện tích 2447,8m² có tứ cận như sau: Ngang giáp lè lộ 13.70m, ngang giáp Nguyễn Thị Đen 10.65m, dài giáp thửa 27 là 204.64m, dài giáp Lê Thu Ảnh, Nguyễn Việt Tân, Phạm Văn Xù, Huỳnh Văn Đậu, Nguyễn Văn Thọ 303.80m

Thửa 838 diện tích 114.2m² có tứ cận như sau: giáp lè lộ 6.67m, ngang giáp sông Cái Lớn 4.68m, dài giáp thửa 29 là 21,11m, dài giáp thửa 30 là 20,97m.

Thửa 30 diện tích 200m² có tứ cận như sau: Ngang giáp lề lộ 10.55m, ngang giáp Sông cái Lớn 8.55, dài giáp thửa 838 là 20.97m, dài giáp Lý Văn Hối 21m.

Thửa 29 diện tích 350m² có tứ cận như sau: Ngang giáp lề lộ 17.08m, ngang giáp Sông cái Lớn 16.67m, dài giáp Nguyễn Thị Đen 21m, dài giáp thửa 838 là 21.11m. Có lược đồ giải thửa kèm theo.

Giao cho bà Nguyễn Thị T1, Trương Như Kh, Trương Như A, Trương T A quản lý phần mộ của ông bà trong gia tộc, phần mộ tại thửa 26, phần đất thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Nguyễn Thị T1 (thửa kế lại từ bà Nguyễn Thị T4).

Buộc bị đơn ông Võ Hồng T2 và bà Nguyễn Thị T3 phải di dời toàn bộ nhà cửa, công trình kiến trúc và hoa màu trên phần đất (Theo biên bản thẩm định ngày 05/9/2014).

Đồng ý để các bị đơn Võ Hồng T2 và Nguyễn Thị T3 lưu cư trên phần đất 6 tháng tính từ ngày Tòa án nhân dân huyện LM tuyên án.

Công nhận sự tự nguyện của nguyên đơn Nguyễn Thị T1 về việc hỗ trợ chi phí di dời nhà cửa, hoa màu trên đất cho bà T3 và ông T2 số tiền 30.000.000 đồng.

Giành quyền khởi kiện đối với Võ Hồng T2, Nguyễn Thị T3 đối với các nguyên đơn Nguyễn Thị T1, Trương Như Kh, Trương Như A, Trương T A về việc bồi thường chi phí di dời nhà cửa, công trình kiến trúc, hoa màu trên đất theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, chi phí thẩm định, định giá và quyền kháng cáo của các đương sự theo qui định.

Ngày 12 tháng 6 năm 2015, bà Nguyễn Thị T3, ông Võ Hồng T2 có đơn kháng cáo yêu cầu bồi thường nhà cửa, vật kiến trúc và cây trái trên đất và công sức bà T3 và ông T2 trong 14 năm với giá 700.000.000 đồng và yêu cầu thẩm định giá trị hiện tại trên phần đất.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đồng thời thống nhất bồi thường cho bị đơn toàn bộ giá trị các tài sản trên đất (không tính các ngôi mộ).

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Về thủ tục tố tụng, quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng qui định của pháp luật tố tụng. Về nội dung: Đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự sửa bản án sơ thẩm theo hướng ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn thống nhất bồi thường cho bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đòi tài sản là quyền sử dụng đất: Sau khi có quyết định giám đốc thẩm số 124/2018/DS-GĐT ngày 08/02/2018 của Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh hủy bản án dân sự phúc thẩm số 198/2015/DS-PT ngày 14/12/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang; Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang thụ lý phúc thẩm lại. Trong giai đoạn giải quyết vụ án, đương sự có đơn yêu cầu thẩm định. Qua đo đạc thực tế tại cấp phúc thẩm lần 2, phần đất tranh chấp có diện tích $10.536,6\text{m}^2$, lớn hơn diện tích đã được xét xử trước đó là $1.613,8\text{m}^2$ ($10.536,6\text{m}^2 - 8.922,8\text{m}^2 = 1.613,8\text{m}^2$); Mặc dù diện tích có thay đổi, nhưng các bên đương sự đều thống nhất với kết quả đo đạc theo Mẫu trích đo địa chính số 27-2019 ngày 04/12/2019 và Mẫu trích đo địa chính số 28-2019 ngày 04/12/2019; Các Mẫu trích đo đều của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã LM, tỉnh Hậu Giang làm cơ sở giải quyết vụ án.

[2] Về nội dung vụ án: Căn cứ vào kết quả của quyết định giám đốc 124/2018/DS-GĐT ngày 08/02/2018 của Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh có nhận định *“việc Tòa án hai cấp sơ thẩm và phúc thẩm xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn đòi phía bị đơn trả lại đất là có căn cứ”*: Nhận định của Quyết định giám đốc thẩm đã rõ, do đó, đối với yêu cầu đòi lại quyền sử dụng đất, phần này Hội đồng xét xử phúc thẩm hôm nay không đánh giá lại; Đồng thời tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn thống nhất trả lại phần đất theo đo đạc thực tế là $10.536,6\text{m}^2$ cho nguyên đơn. Bị đơn kháng cáo chỉ yêu cầu bồi thường thỏa đáng công sức, nhà cửa, vật kiến trúc, công trình xây dựng và giá trị cây trồng cho bị đơn 700.000.000 đồng.

[3] Đối với yêu cầu bồi thường công sức, nhà cửa, vật kiến trúc, công trình xây dựng và cây trồng trên đất cho bị đơn: Mặc dù, bị đơn không có làm đơn yêu cầu phản tố; Nhưng trong quá trình giải quyết có phản đối và có yêu cầu bồi thường. Căn cứ của Quyết định giám đốc thẩm số 124/2018/DS-GĐT ngày 08/02/2018 của Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh có nhận định *“Tuy nhiên, đối với phần tài sản trên đất Tòa án cấp sơ thẩm và phúc thẩm lại không giải quyết luôn trong cùng vụ án mà lại tách ra thành vụ án khác, từ đó buộc phía bị đơn phải di dời tài sản trên đất để trả lại đất cho các nguyên đơn là không giải quyết vụ án triệt để, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn”*. Do đó, nhằm giải quyết triệt để vụ án, Hội đồng xét xử sẽ xem xét đến yêu cầu bồi thường công sức, nhà cửa, vật kiến trúc và cây trồng trên đất cho bị đơn.

Qua xem xét thẩm định tại chỗ và chứng thư thẩm định giá T4 hiện, tổng giá trị tài sản trên đất là 414.801.930 đồng, trong đó giá trị cây trồng là 184.620.000 đồng, công trình xây dựng là 230.181.930 đồng, trong đó giá trị các ngôi mộ là 61.288.000 đồng.

[3.1] Về các ngôi mộ: Qua xem xét, thẩm định tại chỗ trên phần đất có nhiều ngôi mộ gồm mộ gạch, mộ đá và mộ đất; Đây là mộ chôn cất ông bà của các bên; Theo bản án sơ thẩm số 82/2015/DS-ST ngày 29 tháng 5 năm 2015 của Tòa án nhân dân huyện LM (nay là thị xã LM), tỉnh Hậu Giang giao cho nguyên đơn

được quản lý phần mộ của các ông bà trong họ tộc; Các đương sự không có kháng cáo liên quan đến quyết định này, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

[3.2] Về công sức, nhà cửa, vật kiến trúc, công trình xây dựng và cây trồng trên đất cho bị đơn:

[3.2.1] Về nhà cửa, vật kiến trúc, công trình xây dựng và cây trồng trên đất: Qua xem xét thẩm định tại chỗ và căn cứ vào lời khai của bị đơn xác định hiện nay nhà cửa, vật kiến trúc, công trình xây dựng và cây trồng trên đất do bị đơn quản lý, sử dụng và khai thác, không còn ai khác. Căn cứ chứng thư thẩm định giá T4 hiện, căn nhà và công trình xây dựng có giá trị là 168.893.930 đồng và toàn bộ giá trị cây trồng là 184.620.000 đồng; Tổng cộng 353.513.930 đồng. Nguyên đơn cho rằng, đối với công trình xây dựng, trong đó có căn nhà được bị đơn xây dựng năm 2014, thời điểm đang phát sinh tranh chấp nguyên đơn có ngăn cản nhưng bị đơn vẫn tiến hành xây dựng; Đối với cây trồng có một số loại cây bị đơn chỉ mới trồng trong thời gian tranh chấp. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn tự nguyện bồi thường cho bị đơn toàn bộ giá trị nhà cửa, vật kiến trúc, công trình xây dựng và cây trồng trên đất là 353.513.930 đồng. Do nguyên đơn tự nguyện bồi thường toàn bộ cho bị đơn, nên Hội đồng xét xử không xem xét căn cứ pháp lý có chấp nhận yêu cầu của bị đơn hay không; Đây là ý chí tự định đoạt của nguyên đơn, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội, mà đây còn là sự tự nguyện có lợi cho bị đơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2.2] Về yêu cầu tính công sức: Bị đơn cho rằng đã bỏ công sức, cải tạo đất, từ đất hoang hóa để trở thành đất có giá trị, nguyên đơn được hưởng lợi thì phải bồi thường công sức do bị đơn bỏ ra. Hội đồng xét xử xét thấy, bị đơn chỉ trình bày và tự xác định giá trị bồi thường và không đưa ra được các tài liệu, chứng cứ để chứng minh công sức của mình; Trong khi đó, nguyên đơn chứng minh được phần đất thuộc quyền sử dụng của nguyên đơn, bị đơn không phải là chủ sử dụng hợp pháp nhưng đã khai thác, sử dụng trồng cây, cất nhà ở và hưởng hoa lợi, lợi tức từ năm 2000 cho đến nay; Đồng thời đối với các cây trồng cũng như nhà và công trình xây dựng trên đất nguyên đơn tự nguyện bồi thường toàn bộ giá trị là đã có lợi cho bị đơn nên không có cơ sở để tính công sức của bị đơn.

[4] Từ những nhận định nêu trên, chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn. Đồng quan điểm với đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa, sửa bản án sơ thẩm.

[5] Về các khoản đã thi hành án: Theo Công văn số 11/CV-CCTHADS ngày 19/11/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã LM, tỉnh Hậu Giang xác định đã thi hành xong khoản chi trả tạm ứng án phí cho bà Nguyễn Thị T1, Trương Như A, Trương T A số tiền 7.000.000 đồng. Các khoản khác đương sự chưa yêu cầu nên chưa thụ lý giải quyết. Các lệ phí thẩm định, định giá tài sản sơ thẩm nguyên đơn tự nguyện nộp 6.766.000 đồng, nguyên đơn đã nộp xong và không có yêu cầu xét lại nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết lại.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 2 Điều 308, Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 99, Điều 100, Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về quy định mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Sửa bản án sơ thẩm.

Tuyên xử:

1/ Buộc bị đơn ông Võ Hồng T2 và bà Nguyễn Thị T3 giao lại phần đất có diện tích 10.536,6m² theo Mảnh trích đo địa chính số 27-2019 và số 28-2019 cùng ngày 04/12/2019 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã LM, tỉnh Hậu Giang cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị T1, ông Trương Như A, ông Trương T A, ông Trương Như Kh (ông Kh chết có người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Kh là bà Nguyễn Thị T1, ông Trương Như A, ông Trương T A).

(Có Mảnh trích đo địa chính kèm theo)

2/ Công nhận sự tự nguyện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T1, ông Trương Như A, ông Trương T A, ông Trương Như Kh (ông Kh chết có người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Kh là bà Nguyễn Thị T1, ông Trương Như A, ông Trương T A) trả 353.513.930 đồng (Ba trăm năm mươi ba triệu năm trăm mười ba nghìn chín trăm ba mươi đồng) cho bị đơn ông Võ Hồng T2 và bà Nguyễn Thị T3, giá trị nhà cửa, vật kiến trúc, công trình xây dựng và cây trồng trên đất.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T1, ông Trương Như A, ông Trương T A, ông Trương Như Kh (ông Kh chết có người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Kh là bà Nguyễn Thị T1, ông Trương Như A, ông Trương T A) được sở hữu toàn bộ nhà cửa, vật kiến trúc, công trình xây dựng và toàn bộ cây trồng trên đất; Bị đơn ông Võ Hồng T2 và bà Nguyễn Thị T3 có trách nhiệm giao lại các tài sản này cho nguyên đơn.

Bị đơn ông Võ Hồng T2 và bà Nguyễn Thị T3 được lưu trú trên đất trong thời gian 06 (sáu) tháng từ khi án có hiệu lực pháp luật, ngày 05/12/2019.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực thi hành (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Nguyên đơn thuộc diện gia đình có công với cách mạng nên được miễn theo quy định pháp luật.

- Ông Võ Hồng T2 và bà Nguyễn Thị T3 phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

4/ Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Võ Hồng T2 và bà Nguyễn Thị T3 được nhận lại 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0004280 ngày 18/6/2015 của Chi cục thi hành án dân sự huyện LM (nay là thị xã LM), tỉnh Hậu Giang.

5/ Chi phí thẩm định, định giá:

- Tại cấp sơ thẩm: Nguyên đơn đã tự nguyện nộp toàn bộ, đã thi hành án xong nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét lại.

- Tại cấp phúc thẩm: Nguyên đơn phải chịu 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng), được khấu trừ vào số tiền đã tạm ứng, nguyên đơn đã nộp xong.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án, ngày 05/12/2019.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- TAND TX. LM;
- Chi cục THADS TX. LM;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Hoàng Khải